

văn hóa — giáo dục ở Phủ thủ tướng để giữ chức vụ Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Pháp chế của Chính phủ.

10. Đồng chí Nguyễn Cơ Thạch, Quốc vụ khanh hàm bộ trưởng, thôi giữ chức vụ Quốc vụ khanh hàm bộ trưởng để giữ chức vụ Bộ trưởng Bộ Ngoại giao.

11. Đồng chí Phan trọng Tuệ thôi giữ chức vụ Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

12. Đồng chí Đinh Đức Thiện giữ chức vụ Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

13. Đồng chí Trần Quỳnh thôi giữ chức vụ Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước để giữ chức vụ Bộ trưởng, Phó chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước.

14. Đồng chí Đặng Việt Châu thôi giữ chức vụ Bộ trưởng Bộ Ngoại thương.

15. Đồng chí Lê Khắc giữ chức vụ Bộ trưởng Bộ Ngoại thương.

16. Đồng chí Nguyễn Hữu Mai thôi giữ chức vụ Bộ trưởng, Phó chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước.

17. Đồng chí Trần Phương giữ chức vụ Bộ trưởng, Phó chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước.

Hà Nội, ngày 7 tháng 2 năm 1980

Chủ tịch

nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

TÔN ĐỨC THẮNG

## HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

**NGHỊ QUYẾT số 9 - CP ngày 9-1-1980 về chính sách lương thực.**

Lương thực là vật tư chiến lược số một, là nhu cầu cơ bản nhất của đời sống, là vấn đề hàng đầu của toàn Đảng,

toàn dân, toàn quân ta trong thời gian trước mắt cũng như lâu dài. Giải quyết tốt vấn đề lương thực sẽ ảnh hưởng lớn đến việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Nghị quyết Đại hội lần thứ tư của Đảng đã nêu « tập trung lực lượng sớm đảm bảo lương thực, thực phẩm cho toàn xã hội và có lương thực dự trữ ».

Trong những năm qua, Đảng và Chính phủ đã đề ra những chủ trương, chính sách và biện pháp tích cực để giải quyết vấn đề lương thực, thực phẩm từ khâu sản xuất, thu mua đến phân phối tiêu dùng. Nhiều địa phương đã cố gắng tăng diện tích, năng suất, sản lượng hơn trước, và làm nghĩa vụ lương thực đối với Nhà nước, góp phần tích cực để giải quyết đời sống nhân dân.

Tuy nhiên sự tiến bộ đó không đều. Những năm gần đây, năng suất và sản lượng lương thực nhiều nơi giảm sút, lương thực bình quân tính theo đầu người của toàn xã hội giảm theo. Lương thực Nhà nước huy động được thường thấp so với kế hoạch. Một số tỉnh chưa làm tốt công tác huy động, chưa nắm được phần lớn lương thực hàng hóa, lương thực ra thị trường tự do còn nhiều, Nhà nước phải nhập khẩu một khối lượng lương thực ngày càng lớn. Tình hình cân đối lương thực ngày càng gay gắt, nhưng việc quản lý phân phối, tiêu dùng chưa chặt chẽ và chưa thật tiết kiệm. Tư tưởng ỷ lại vào cấp trên, ỷ lại vào trung ương, ỷ lại vào nước ngoài khá nặng.

Như vậy, trên các mặt sản xuất, huy động và phân phối lương thực đều có những khuyết điểm. Nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân là phải tập trung sức giải quyết kỳ được vấn đề lương thực, thực phẩm trong một thời gian nhất định.

Để thực hiện tốt những nhiệm vụ chung của cả nước trong tình hình mới, nghị quyết hội nghị lần thứ 6 của trung

ương Đảng đã nêu rõ: « Nhiệm vụ quan trọng nhất hiện nay là động viên cao độ và tổ chức toàn dân, toàn quân đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp nhằm trước hết bảo đảm vững chắc lương thực và thực phẩm, đồng thời cung ứng nhiều nguyên liệu cho công nghiệp thực phẩm, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và tăng nhanh nguồn hàng xuất khẩu ».

Để giải quyết vấn đề lương thực cần giải quyết bốn khâu cơ bản:

— Ra sức phát triển sản xuất để tăng nhanh tổng sản lượng lương thực và có thêm nhiều lương thực hàng hóa;

— Đẩy mạnh việc thu mua (thu thuế nông nghiệp, thu nợ, mua theo hợp đồng hai chiều và mua theo giá thỏa thuận) để tập trung được nhiều lương thực trong tay Nhà nước, thực hiện từng bước sự quản lý thống nhất của Nhà nước đối với lương thực;

— Quản lý phân phối lương thực chặt chẽ, triệt để tiết kiệm và phân phối công bằng;

— Tích cực thực hiện việc phân bố lại lao động và chính sách sinh đẻ có kế hoạch.

Bốn khâu này có quan hệ hữu cơ với nhau, nhưng khâu quyết định là thúc đẩy sản xuất phát triển. Phải ra sức đẩy mạnh sản xuất lúa bằng thâm canh, tăng vụ, tăng năng suất, khai hoang và sử dụng hết diện tích, nhất là vùng đồng bằng sông Cửu Long, đồng bằng sông Hồng và Tây Nguyên. Phải nhanh chóng mở rộng diện tích trồng màu, đi vào thâm canh và chế biến. Phải nêu cao quyết tâm phấn đấu tự lực giải quyết vấn đề lương thực trong cả nước trong mấy năm tới, khai thác đến mức cao nhất tiềm năng sản xuất lương thực và thực hiện cho được cân đối lương thực trên địa bàn tỉnh, huyện. Đối với huyện đã sản xuất đủ và thừa lương thực cho nhu cầu địa phương, phải phát triển sản xuất để đóng góp ngày càng

nhiều lương thực về trung ương; những huyện thiếu phải phấn đấu sản xuất trong vài năm có đủ lương thực, tiền tới có dư để đóng góp về trung ương. Những huyện chuyên canh cây công nghiệp cũng phải cố gắng sản xuất lương thực, nhưng không được làm ảnh hưởng đến kế hoạch trồng cây công nghiệp.

Trên cơ sở sản xuất phát triển, Nhà nước phải nắm cho được tuyệt đại bộ phận lương thực hàng hóa, phải có trong tay một khối lượng lương thực ngày càng lớn để bảo đảm lương thực cho mọi người không sản xuất lương thực và xây dựng quỹ dự trữ lương thực của Nhà nước ngày càng tăng. Phải quản lý phân phối chặt chẽ và triệt để tiết kiệm, thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động, thông qua phân phối lương thực mà góp phần quản lý lao động và phân công lao động mới, quản lý sản xuất, quản lý thị trường và trật tự xã hội, từng bước thực hiện Nhà nước thống nhất quản lý lương thực trong cả nước.

Sau đây là những chính sách trong công tác lưu thông phân phối lương thực thời gian tới.

## I. CHÍNH SÁCH HUY ĐỘNG LƯƠNG THỰC

A. Chính sách huy động lương thực của Nhà nước thể hiện các nguyên tắc sau đây.

— Khuyến khích mạnh mẽ sản xuất phát triển, khuyến khích hợp tác xã và nông dân tận dụng khả năng đất đai, ra sức tăng năng suất lao động nhằm tăng sản lượng lương thực hàng hóa, tăng thu nhập cho hợp tác xã và nông dân, ổn định và nâng cao đời sống, tạo điều kiện đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa;

— Huy động lương thực công bằng hợp lý, trong điều kiện như nhau phải đóng góp như nhau;

— Phải bảo đảm cả yêu cầu của Nhà nước và của nhân dân. Một mặt nông dân được ổn định đời sống và tích cực sản xuất, mặt khác phải bảo đảm Nhà nước có lương thực để phân phối cho bộ đội, công nhân và người lao động khác không sản xuất lương thực;

— Thúc đẩy việc phân công lao động mới trong từng địa phương và điều bớt nhân khẩu ở những nơi quá đông, bình quân ruộng đất thấp.

*B. Nhà nước chủ trương ổn định mức nghĩa vụ đóng thuế nông nghiệp thu bằng lương thực; ổn định mức nghĩa vụ bán lương thực theo giá chỉ đạo thông qua hợp đồng hai chiều.*

**1. Về ổn định mức nghĩa vụ đóng thuế nông nghiệp bằng lương thực.**

Mức thuế nông nghiệp thu bằng lương thực bình quân cả nước bằng 10% sản lượng lương thực. Đối với đất canh tác không sản xuất lương thực thì được nộp bằng nông sản khác. Căn cứ để xác định mức thuế là diện tích canh tác, độ phì nhiêu của đất và điều kiện canh tác của từng vùng. Bộ Tài chính có trách nhiệm xây dựng biểu thuế nông nghiệp mới để Hội đồng Chính phủ trình Quốc hội phê chuẩn. Biểu thuế này áp dụng thống nhất cho cả nước. Nội dung của biểu thuế mới phải vừa quán triệt các chủ trương trên, vừa có tác dụng khuyến khích nông dân đi vào làm ăn tập thể, khuyến khích thâm canh, tăng năng suất, tăng vụ, tăng tổng sản lượng, chống bỏ hoang hóa ruộng đất, chống sử dụng lãng phí ruộng đất và bảo đảm cho mọi diện tích canh tác đều phải được tính thuế.

Trong khi chờ Quốc hội thông qua biểu thuế mới, việc thu thuế vẫn thi hành đúng Điều lệ thuế nông nghiệp hiện đang áp dụng ở hai miền.

**2. Về ổn định mức nghĩa vụ bán lương thực theo hợp đồng hai chiều.**

Mức lương thực bán theo hợp đồng hai chiều của hợp tác xã nông nghiệp

và hộ nông dân cá thể được giao theo số lượng tuyệt đối tính mức một năm để thực hiện trong 5 năm tới kể từ năm 1980.

Hợp tác xã và nông dân đã được xác định mức ổn định nghĩa vụ bán lương thực hoặc các nông sản khác cho Nhà nước, thì Nhà nước cũng ổn định mức vật tư hàng hóa cung ứng trở lại cho hợp tác xã và hộ nông dân. Năm nào Nhà nước cung ứng số lượng hàng hóa nhiều hơn mức đã ký thì hợp tác xã và hộ nông dân cũng phải bán thêm lương thực (hoặc nông sản khác) tương ứng nếu Nhà nước cung ứng tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng không đủ, thì số lương thực hợp tác xã hoặc hộ nông dân đã bán hơn được tính theo giá thỏa thuận.

Hàng hóa Nhà nước cung ứng bao gồm tư liệu sản xuất, vật liệu xây dựng và hàng tiêu dùng thiết yếu. Những mặt hàng này gồm hàng do trung ương và do địa phương sản xuất đưa xuống nông thôn đều do Ủy ban nhân dân huyện thống nhất quản lý phân phối theo sự chỉ đạo chung của Hội đồng Chính phủ. Ủy ban nhân dân huyện chịu trách nhiệm điều động, phân phối hàng hóa dành cho huyện mình vào việc ký hợp đồng hai chiều, nhằm bảo đảm huy động đủ số lương thực và nông sản theo kế hoạch được giao, bảo đảm tương quan hợp lý giữa vật tư hàng hóa do Nhà nước cung ứng và lương thực, nông sản do hợp tác xã và hộ nông dân bán cho Nhà nước, bảo đảm đưa hàng đến tay nông dân.

Về phương thức trao đổi hàng hai chiều, Chính phủ sẽ quy định quan hệ tương ứng hiện vật giữa số lương thực nông dân bán cho Nhà nước với từng loại vật tư, hàng hóa mà Nhà nước bán cho nông dân, công cây máy và công thu hoạch bằng máy do các cơ sở quốc doanh làm cho hợp tác xã, tập đoàn sản xuất

và nông dân; thủy lợi phí cũng được tính thành quan hệ tương ứng về hiện vật trong hợp đồng hai chiều. Việc thanh toán bằng tiền đối với vật tư hàng hóa và lương thực trao đổi theo hợp đồng hai chiều vẫn theo giá chỉ đạo của Nhà nước. Hợp đồng được ký trong một năm hoặc trong 5 năm với các đơn vị sản xuất.

3. Về thời gian và phạm vi áp dụng mức ổn định nghĩa vụ thuế nông nghiệp và nghĩa vụ bán lương thực theo hợp đồng hai chiều.

Mức ổn định nghĩa vụ thuế và mức lương thực bán cho Nhà nước theo hợp đồng hai chiều được ổn định trong 5 năm tính từ năm 1980. Cơ sở để xác định mức ổn định nghĩa vụ thuế và nghĩa vụ bán lương thực theo hợp đồng hai chiều trong một năm và trên một hecta canh tác lương thực là diện tích canh tác lương thực năm 1978 và năng suất lương thực bình quân 5 năm qua đối với miền Bắc (1974 - 1978), 3 năm đối với miền Nam (1976 - 1978) (tính theo vùng đất đai có độ phì nhiêu như nhau). Mức này gọi là mức ổn định nghĩa vụ và không thay đổi trong suốt 5 năm. Trong từng năm, mức này có thể tạm chia ra từng vụ, giữa các vụ trong năm có thể thực hiện bù trừ lẫn nhau. Nếu hợp tác xã và hộ nông dân sản xuất tích cực, tăng thêm vụ, thêm sản lượng, Nhà nước cũng không giao thêm nghĩa vụ; nếu mất mùa nặng, đời sống xã viên, nông dân có nhiều khó khăn thì Nhà nước sẽ xét để miễn hoặc giảm.

Mức nghĩa vụ nói trên được áp dụng cho tất cả các vùng trong cả nước. Riêng đối với vùng núi cao, vùng giữa, vùng biên giới, ở những nơi sản xuất thường chỉ đủ ăn, được Nhà nước miễn thu thuế nông nghiệp bằng lương thực và cũng không giao mức bán lương thực cho Nhà nước. Nếu những nơi nói trên

sản xuất thừa ăn, cần bán lương thực thì Nhà nước mua theo giá thỏa thuận, trả bằng tiền hoặc bằng hàng.

Vùng sản xuất nhiều màu, Nhà nước giao nghĩa vụ bằng màu theo tỷ lệ tương ứng với sản xuất.

### C. Mua lương thực theo giá thỏa thuận.

Do sản xuất ngày một tăng, nhưng mức ổn định thu thuế và mua lương thực trong 5 năm không thay đổi, cho nên lương thực hàng hóa còn lại ra thị trường không có tổ chức cũng tăng lên. Nhà nước cần tổ chức tốt việc mua số lương thực này theo giá thỏa thuận để khuyến khích hợp tác xã và hộ nông dân ra sức sản xuất tăng thêm lương thực để bán cho Nhà nước.

Số lương thực do công nhân, viên chức tự lực sản xuất, nếu bán cho Nhà nước thì được trả theo giá thỏa thuận.

Giá thỏa thuận do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố căn cứ vào tình hình sản xuất và thị trường từng lúc (lúc đầu mùa, lúc chính vụ thu hoạch và lúc cuối mùa, lúc giáp hạt,...) mà xác định giá cụ thể từng vùng, từng lúc cho thích hợp với tình hình địa phương, chú ý tránh sơ hở về sự chênh lệch giá ở các vùng giáp ranh. Ủy ban Vật giá Nhà nước cùng Bộ Lương thực và thực phẩm có trách nhiệm hướng dẫn các tỉnh xác định giá thỏa thuận. Để tạo điều kiện mua được nhiều lương thực hàng hóa theo giá thỏa thuận, Nhà nước cần dành hàng hóa (kể cả tư liệu sản xuất) để bán lại cũng theo giá thỏa thuận cho hợp tác xã và xã viên, nông dân, đồng thời để bảo đảm cân đối giữa hàng và tiền Nhà nước phải chi ra.

D. Lương thực giao nộp của các nông trường quốc doanh và nông trường quân đội.

Để cân đối lương thực ngày càng vững chắc, Bộ Nông nghiệp và các tỉnh cần mở rộng và xây dựng thêm các nông trường quốc doanh trồng lương thực.

Các nông trường quốc doanh và các nông trường quân đội được giao nhiệm vụ sản xuất lương thực phải có kế hoạch tăng nhanh sản lượng lương thực bằng thâm canh, tăng vụ, mở rộng diện tích, phải bảo đảm thực hiện đạt và vượt chỉ tiêu giao nộp. Các nông trường trồng cây công nghiệp hoặc chăn nuôi, các lâm trường, theo điều kiện đất đai khi hậu cho phép, phải có kế hoạch tích cực sản xuất thêm lương thực cho người và gia súc.

## II. CHÍNH SÁCH PHÂN PHỐI LƯƠNG THỰC CỦA NHÀ NƯỚC

### 1. Trong khu vực phi nông nghiệp.

Quản triệt nguyên tắc phân phối theo lao động, trên cơ sở khả năng lương thực của Nhà nước, phải tăng cường quản lý phân phối một cách chặt chẽ, hợp lý và tiết kiệm; phải kết hợp phân phối lương thực với quản lý và phân công lao động mới, quản lý sản phẩm, đấu tranh cải tạo và ổn định thị trường.

Do lương thực Nhà nước phải mua vào bằng hai giá nên cũng bán ra theo hai giá:

— Đối với công nhân, viên chức và người chưa tới tuổi lao động hoặc quá tuổi lao động trong gia đình họ thuộc khu vực phi nông nghiệp, đối với học sinh các trường đại học, trung học chuyên nghiệp và trường dạy nghề, được cung cấp lương thực thường xuyên với giá chỉ đạo và theo tiêu chuẩn xếp loại lao động thống nhất trong cả nước.

— Đối với những hợp tác xã, tập đoàn, cá nhân làm nghề tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, nghề vận tải, nghề xây dựng... trồng cây công nghiệp, trồng rau ở những vùng chuyên canh tập trung, làm muối, đánh cá... có quan hệ kinh tế chặt chẽ với Nhà nước được phân phối lương thực tương ứng với kết quả

thực hiện hợp đồng kinh tế, theo giá chỉ đạo, trừ phần lương thực đã tự sản xuất theo sự hướng dẫn của Nhà nước.

— Đối với những hợp tác xã tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp ở nông thôn nói chung sẽ do hợp tác xã nông nghiệp thống nhất kinh doanh như một ngành trong hợp tác xã nông nghiệp phải phân phối lương thực cho họ; nếu còn thiếu Nhà nước sẽ xét theo hợp đồng hỗ trợ thêm.

— Đối với những người không sản xuất nông nghiệp khác không có quan hệ hợp đồng hai chiều với Nhà nước, mà từ trước đến nay đã được Nhà nước phân phối lương thực, thì tùy theo ngành nghề chính đáng và nguồn thu nhập thực tế mà xét giải quyết lương thực tùy theo khả năng của Nhà nước với giá bảo đảm kinh doanh.

— Đối với công nhân, viên chức về hưu, nghỉ mất sức; thương binh, gia đình liệt sĩ, những người và gia đình có công với cách mạng theo tiêu chuẩn quy định vẫn thực hiện như chính sách hiện hành.

Bộ Lương thực và thực phẩm căn cứ các nguyên tắc trên đây và phối hợp với các ngành có liên quan để nghiên cứu trình Chính phủ quyết định cụ thể các đối tượng, tiêu chuẩn và phương thức phân phối lương thực để ban hành thống nhất trong cả nước.

### 2. Thực hiện tốt việc phân phối lương thực trong hợp tác xã nông nghiệp.

Phải kiên quyết và nhanh chóng xóa bỏ cách phân phối theo định suất, định lượng, thực hiện ngay việc phân phối thu nhập trong hợp tác xã và tập đoàn sản xuất nông nghiệp theo đúng quyết định số 400-CP ngày 5-11-1979 của Hội đồng Chính phủ, bảo đảm nguyên tắc phân phối theo lao động; kết hợp việc phân phối lao động với việc điều hòa lương thực cho các gia đình xã viên thiếu lương thực như đã nêu rõ trong quyết định nói trên.

Về diện tích dành cho chăn nuôi tập thể vẫn giữ theo chính sách là 10 — 15%, nhưng phát triển chăn nuôi đến đâu trừ lương thực đến đấy, không trừ hẳn đủ số lương thực trước khi chưa chăn nuôi, làm ảnh hưởng đến đời sống của xã viên và mức đóng góp cho Nhà nước. Nơi đã trừ đất cho chăn nuôi phải bảo đảm làm nghĩa vụ bán thịt cho Nhà nước tương ứng với đất đã trích.

Việc lập các quỹ trong hợp tác xã nông nghiệp phải theo đúng quy định của Chính phủ. Các địa phương không được tự ý đề các thứ quỹ ngoài quy định của Chính phủ.

### III. PHÂN CẤP QUẢN LÝ LƯƠNG THỰC CHO ĐỊA PHƯƠNG

Đề phát huy tinh thần tự lực tự cường trong việc giải quyết vấn đề lương thực; đề cao trách nhiệm của chính quyền địa phương trong việc chấp hành chính sách lương thực của Nhà nước, tạo điều kiện cho địa phương chủ động về lương thực để xây dựng, phát triển kinh tế, văn hóa trong huyện, tỉnh, cần tiến hành phân cấp quản lý lương thực cho địa phương.

Hội đồng Chính phủ thống nhất quản lý chính sách, chế độ, các chỉ tiêu kế hoạch, các tiêu chuẩn định mức về phân phối lương thực, quyết định các chỉ tiêu kế hoạch về huy động và điều động lương thực, lo cung ứng lương thực cho bộ đội chủ lực trong các lực lượng vũ trang, cho các thành phố lớn và khu công nghiệp lớn, khu chuyên canh cây công nghiệp và chăn nuôi lớn, còn nói chung việc điều hòa cung ứng lương thực cho các đối tượng khác trong phạm vi lãnh thổ sẽ do Ủy ban nhân dân các địa phương phụ trách.

Việc quan trọng hàng đầu để thực hiện sự phân cấp nói trên là phải *cân đối được lương thực trên địa bàn huyện và tỉnh*. Xác định đúng khả năng sản xuất lương

thực trong thời gian tới; xác định các yêu cầu phân phối, các đối tượng cung cấp lương thực trên địa bàn tỉnh và huyện cho chính xác để cân đối thừa thiếu. Nói cân đối lương thực trên địa bàn huyện không phải là huyện nào cũng phải lo tự túc (nhất là đối với những huyện có vùng chuyên canh cây công nghiệp) mà là tất cả các huyện đều phải lo tự giải quyết lương thực đến mức cao nhất. Huyện đã làm hết mức mà chưa đủ lương thực thì tỉnh điều hòa cho huyện, hoặc nếu thừa thì tỉnh điều đi. Trên cơ sở đó, trung ương xác định mức lương thực tỉnh phải đóng góp cho trung ương, và trách nhiệm của tỉnh, huyện phải thu mua để giải quyết các nhu cầu lương thực trên địa bàn của mình. Địa phương nào đã tích cực sản xuất và tiết kiệm mà còn thiếu ăn, thì cần sản xuất thêm hàng hóa xuất khẩu hoặc có hàng hóa nộp cho trung ương để bảo đảm số lương thực thiếu đó. Trong trường hợp địa phương đã làm hết sức mình mà vẫn không tự cân đối được hoặc gặp thiên tai, thì trung ương sẽ xét việc hỗ trợ một phần lương thực cần thiết. Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Lương thực và thực phẩm và Bộ Nông nghiệp cùng với các địa phương xác định rõ nội dung và mức độ phân cấp cho các địa phương cho hợp lý.

### IV. PHẢI TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ TỐT THỊ TRƯỜNG LƯƠNG THỰC

Công tác tổ chức và quản lý thị trường phải nhằm từng bước đấu tranh kéo giá thị trường tự do xuống, từng bước thu hẹp thị trường không có tổ chức và nhanh chóng mở rộng thị trường xã hội chủ nghĩa về lương thực, thực hiện chủ trương Nhà nước thống nhất quản lý lương thực trong cả nước.

Xã viên, nông dân sau khi hoàn thành nghĩa vụ lương thực đối với Nhà nước

được quyền tự do sử dụng và lưu thông số lương thực còn lại nhưng cần giáo dục xã viên, nông dân tiết kiệm tiêu dùng bán thêm lương thực cho Nhà nước theo giá thỏa thuận.

Ngành lương thực phải làm tốt công tác huy động, kinh doanh và phân phối lương thực, cố gắng mua được nhiều lương thực. Tùy tình hình cụ thể, có thể ủy thác cho hợp tác xã mua bán làm đại lý mua cho ngành lương thực.

Phải kiên quyết ngăn chặn và nghiêm trị bọn đầu cơ tích trữ, buôn bán trái phép thóc, gạo, ngô, lúa mỳ, bột mỳ, gạo mỳ, mỳ sợi, bánh mỳ.

Riêng đối với các tỉnh miền Nam trước mắt cho phép một số hàng xáo hoạt động tùy theo yêu cầu từng nơi và phải hạn chế dần từng bước. Những người này phải có giấy phép, phải đóng thuế và chịu sự quản lý của chính quyền địa phương.

*Nghiêm cấm nấu rượu trái phép bằng ngũ cốc.*

Đối với các nhu cầu về quà bánh, ăn uống công cộng, ngành nội thương cần chú ý tổ chức và quản lý tốt, phục vụ thuận tiện cho khách qua lại, song phải hết sức chống tham ô, lãng phí.

#### V. TỔ CHỨC CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN

Nội dung chính sách này có nhiều điểm mới, đòi hỏi cấp ủy Đảng và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố phải tổ chức tuyên truyền giải thích sâu rộng cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân thông suốt chính sách, mà trước hết là cán bộ, đảng viên phải thật thông suốt và gương mẫu thực hiện.

Phải giáo dục cho nông dân tích cực sản xuất, tiết kiệm và bán lương thực tốt cho Nhà nước, giáo dục người tiêu thụ phải hết sức tiết kiệm lương thực.

Việc tuyên truyền giải thích, hướng dẫn thực hiện, việc giao mức ổn định lương thực cho cơ sở phải làm xong trong những tháng đầu năm 1980.

Ủy ban nhân dân các cấp phải có kế hoạch tổ chức, chỉ đạo thực hiện tốt chính sách lương thực theo nghị quyết này.

Thông qua việc thực hiện chính sách lương thực của Đảng và Nhà nước mà kết hợp chấn chỉnh kiện toàn các tổ chức của Đảng, chính quyền và đoàn thể, nhất là ở cơ sở; đồng thời gây một khí thế phấn khởi trong nhân dân đầy mạnh sản xuất lương thực phát triển.

Đồng chí Bộ trưởng Bộ Lương thực và thực phẩm có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra đôn đốc các ngành, các địa phương thi hành nghị quyết này và thường xuyên báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Hà Nội, ngày 9 tháng 1 năm 1980  
T.M. Hội đồng Chính phủ  
K.T. Thủ tướng Chính phủ.

Phó thủ tướng

LÊ THANH NGHỊ

**NGHỊ ĐỊNH số 30-CP ngày 29-1-1980**  
**về quy chế cho tàu thuyền nước ngoài hoạt động trên các vùng biên của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.**

#### HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ vào Luật tổ chức Hội đồng Chính phủ do Quốc hội thông qua ngày 14-7-1960;

Căn cứ tuyên bố ngày 12 tháng 5 năm 1977 của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về các vùng biên và thềm lục địa Việt Nam;